

Bản án số: 24/2019/HSST
Ngày: 30/5/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc, bà Nguyễn Thị Hoài.

- Thư ký phiên toà: Đào Quang Khuyến -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2019/HSST-TL ngày 16 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HS ngày 20/5/2019 đối với:

Bị cáo Nguyễn Văn S, sinh năm 1970. Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã T, huyện TM, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Bố đẻ: Nguyễn Văn T, đã chết; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T1, đã chết; Vợ: Phạm Thị T2, sinh năm 1970; Có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt*.

Người bào chữa cho bị cáo S: ông Phạm Văn Điều, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương.

Người bị hại: Anh Nguyễn Việt D, sinh 1991, *có đơn xin xét xử vắng mặt*. HKTT: thôn L, xã N, huyện T, tỉnh H.

Nhân chứng: - Anh Vũ Văn T3, sinh năm 1960
HKTT : thôn C, xã V, huyện K, tỉnh H.

- Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966
HKTT : P318, chung cư 8 tầng, phường C, TP HD, tỉnh H,

- Chị Phạm Thị T4, sinh năm 1970,
HKTT: Thôn P, xã T, huyện TM ,tỉnh H.

- Anh Vũ Kim K, sinh năm 1980
HKTT: thôn BH, xã Q, huyện QP, tỉnh TB.

- Anh Vũ Tất Q, sinh năm 1969
- Anh Nguyễn Quang T5, sinh năm 1971,

HKTT : đều ở thôn P, xã T, huyện T, tỉnh H.

Các nhân chứng đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23/4/2019, Nguyễn Văn S đến công trình xây dựng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Quảng Phong ở thôn Tiêu Sơn, xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương để làm việc. Đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày, sau khi chỉ đạo đội thợ xây thi công, S đi bộ đến khu vực tường bao cạnh cổng bảo vệ để nghỉ. Khi ngồi cạnh tường bao, S thấy xe mô tô biển kiểm soát 34K9-9652 của anh Nguyễn Việt D, sinh năm 1991 dựng tại khu vực để xe của công nhân, cách vị trí S đang ngồi khoảng 2m, trong cốp xe anh D để chiếc ví màu đen, một phần ví thò ra ngoài cốp xe. Quan sát xung quanh không có người, S đi đến cạnh xe mô tô, dùng tay trái nâng yên xe, tay phải rút chiếc ví ra khỏi cốp xe, mở ví thấy bên trong có số tiền 20.500.000đ và các giấy tờ tùy thân, bị cáo lấy toàn bộ số tiền 20.500.000đ (bao gồm 41 tờ polime mệnh giá 500.000đ) cất vào túi quần đang mặc trên người, sau đó dùng tay trái nâng yên xe lên để đặt chiếc ví vào cốp xe như cũ. Sau khi trộm cắp được số tiền trên, S đi trả nợ cho bà Nguyễn Thị Đ, khu chung cư phường C, thành phố HD 1.500.000đ; bà M (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) 1.500.000đ; anh Vũ Văn T3, ở thôn C, xã V, huyện K 3.500.000đ; đưa cho vợ là chị Phạm Thị T2 ở thôn P, xã T, huyện TM 3.000.000đ để đi chữa bệnh và chi tiêu cá nhân hết 2.000.000đ. Số tiền 9.000.000đ còn lại S đã giao nộp cho cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã quản lý và trả lại cho anh Nguyễn Việt D số tiền 9.000.000đ, bị cáo S tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh D số tiền 11.500.000đ; anh D không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì khác.

Tại bản cáo trạng số 24/VKS-HS ngày 16/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 BLHS.

Tại phiên toà Đại diện VKSND huyện Thanh Miện thực hành quyền công tố trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo S từ 12 - 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về cho UBND xã T, huyện TM, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Toà án có thể buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung : không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh D xác nhận bị cáo đã bồi thường thiệt hại, không có yêu cầu khác nên không giải quyết.

Ông Phạm Văn Điều bào chữa cho bị cáo cơ bản nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hoàn cảnh gia đình bị cáo, đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điều 36 BLHS xử phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Về án phí: Áp dụng điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí ngày 25-11-2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo thuộc hộ cận nghèo vì vậy miễn án phí hình sự cho bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Thanh Miện, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai người bị hại, vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 14 giờ 20 phút ngày 23/4/2019, lợi dụng việc anh Nguyễn Việt D, sinh năm 1991 ở thôn L, xã N, huyện T, tỉnh H sơ hở trong việc quản lý tài sản; Nguyễn Văn S đã rút chiếc ví trong cốp xe mô tô biển kiểm soát 34K9-9652, chiếm đoạt số tiền 20.500.000 đồng của anh D.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, lỗi cố ý trực tiếp, tài sản trộm cắp trị giá 20.500.000đ. Vì vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 BLHS, quyết định truy tố của VKSND huyện Thanh Miện đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quá trình khai báo luôn thành khẩn, ăn năn hối lỗi hành vi đã phạm, có thái độ hợp tác với cơ quan điều tra trong việc khai báo, xin lỗi người bị hại và tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bố bị cáo là ông Nguyễn Văn T được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Ba, Huy chương kháng chiến hạng nhất, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, việc phạm tội bột phát do cơ hội khi thấy có một đầu ví da thò ra khỏi cốp xe của người bị hại, có nơi cư trú rõ ràng, gia đình hoàn cảnh khó khăn khi vợ bị cáo đang bị bệnh ung thư cần sự chăm sóc của bị cáo vì vậy không cần cách ly bị cáo mà cho hưởng án treo tin rằng cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo và phục vụ công tác phòng ngừa chung.

Giao bị cáo về cho UBND xã T, huyện T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, *nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ bị bệnh ung thư nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Việt D xác nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, không có yêu cầu nào khác nên không giải quyết.

Cơ quan điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ của người tên M; bà Đ, anh T3 và chị T2 có nhận tiền của Nguyễn Văn S nhưng không biết nguồn gốc số tiền do S trộm cắp mà có nên không xử lý là có căn cứ.

[7]. Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo vì vậy miễn án phí hình sự cho bị cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”, Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 65 BLHS.

Xử phạt Nguyễn Văn S **12** (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/5/2019).

Giao bị cáo S về cho UBND xã T, huyện TM, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo S được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 331, điều 333 BLTTHS, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương.
- Công an Thanh Miện;
- CQTHAHS Công an tỉnh Hải Dương ;
- Chi cục THADS Thanh Miện,
- UBND xã T.
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương ;
- Người tham gia tố tụng,
- Lưu hồ sơ

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Xuân Thành